

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1988/BGDĐT- KTKĐCLGD
V/v: hướng dẫn tuyển thẳng, ưu tiên xét
tuyển vào đại học, cao đẳng năm 2015

Hà Nội, ngày 24 tháng 4 năm 2015

TRƯỞNG CỤC T. LÝ TỰ TRỌNG	
CV ĐẾN	Số: 349
	Ngày: 04/5/2015
	Chuyên:
	Lưu hồ sơ:

Kính gửi: - Các sở giáo dục và đào tạo;
- Các đại học, học viện;
- Các trường đại học, cao đẳng.

+ Phòng Đào tạo NH
thuê liên.
+ gửi egov của THPT

Công tác tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng vào đại học, cao đẳng (ĐH, CĐ) hệ chính quy năm 2015 được thực hiện theo Quy chế tuyển sinh ĐH, CĐ hệ chính quy ban hành kèm theo Thông tư số 03/2015/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (gọi tắt là Quy chế tuyển sinh).

Để thống nhất thực hiện công tác tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng trong các cơ sở giáo dục đại học, các trường cao đẳng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) hướng dẫn các đại học, học viện, các trường ĐH, CĐ (gọi chung là các trường) và các sở GDĐT một số nội dung sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục ngành tuyển thẳng

a) Đối với thí sinh đoạt giải Kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia:

- Danh mục các ngành ĐH và CĐ đúng hoặc gần với môn thi học sinh giỏi (HSG) quốc gia được quy định tại Phụ lục 4 và Phụ lục 5 của văn bản này;
- Các trường có thể bổ sung thêm các ngành đúng và ngành gần đối với từng môn thi HSG quốc gia phù hợp với yêu cầu đầu vào các ngành đào tạo của trường;
- Nếu không tiếp tục tuyển thẳng vào một số ngành đúng hoặc ngành gần với môn thi HSG quốc gia, các trường phải báo cáo Bộ GDĐT và thông báo công khai trên trang thông tin điện tử của trường, các phương tiện thông tin đại chúng khác ít nhất 3 năm trước khi áp dụng.

b) Đối với thí sinh đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia:

Căn cứ vào kết quả dự án, đề tài nghiên cứu khoa học kỹ thuật của thí sinh đoạt giải và danh mục các ngành đúng, ngành gần quy định tại Phụ lục 4 và 5 của văn bản này, Giám đốc các đại học, học viện và Hiệu trưởng các trường ĐH, CĐ xem xét tuyển thẳng vào ngành học phù hợp với kết quả dự án hoặc đề tài mà thí sinh đoạt giải.

2. Bảo lưu chế độ tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Thí sinh đoạt giải kỳ thi chọn HSG quốc gia, đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật cấp quốc gia, nếu chưa tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) được bảo lưu

để hưởng chế độ tuyển thẳng (hoặc ưu tiên xét tuyển) sau khi tốt nghiệp THPT theo quy định của các trường tại năm thí sinh đoạt giải.

3. Chỉ tiêu tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

Căn cứ vào tình hình cụ thể của công tác tuyển sinh, các trường xác định chỉ tiêu tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo từng ngành hoặc chung cho tất cả các ngành, đảm bảo tổng chỉ tiêu không thấp hơn số lượng thí sinh tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào trường năm 2014. Trong đó, lưu ý:

a) Chỉ tiêu tuyển thẳng vào trường ở các ngành mới do trường công bố (ngoài danh mục quy định tại Phụ lục 4 hoặc Phụ lục 5 của văn bản này) không được vượt quá 25% của tổng số thí sinh đã được tuyển thẳng năm 2014;

b) Chỉ tiêu tuyển thẳng vào các trường không thực hiện tuyển thẳng năm 2014 không được vượt quá 0,25% so với tổng chỉ tiêu tuyển sinh của trường.

4. Tổ chức tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển

a) Nguyên tắc: xét tuyển vào ngành đúng trước, sau đó xét tuyển vào ngành gần;

b) Các trường công bố công khai tiêu chí, quy trình xét và xếp ngành học tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển của trường trên trang thông tin điện tử của trường, trang thông tin thi tuyển sinh của Bộ GDĐT và trên các phương tiện thông tin đại chúng;

c) Căn cứ chỉ tiêu đã xác định và tiêu chí, quy trình đã công bố, các trường tổ chức tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển.

II. HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀ XÉT TUYỂN THẮNG

1. Hồ sơ đăng ký tuyển thẳng

Thí sinh đăng ký tuyển thẳng theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh làm một bộ hồ sơ gửi về sở GDĐT trước ngày 25/5/2015. Hồ sơ gồm:

a) Phiếu đăng ký tuyển thẳng (Phụ lục 1);

b) Bản sao hợp lệ: chứng nhận là thành viên tham dự kỳ thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic khu vực và quốc tế hoặc chứng nhận là thành viên đội tuyển tham dự cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc tế (có tên trong danh sách của Bộ GDĐT); Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia và Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật và giấy chứng nhận các đối tượng ưu tiên tuyển thẳng khác;

c) Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6.

2. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển

Thí sinh quy định tại các điểm a, b, c khoản 3 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh

không sử dụng quyền tuyển thẳng cần nộp hồ sơ đăng ký dự thi THPT quốc gia trong thời hạn từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 30 tháng 4 năm 2015.

Sau khi có kết quả thi, nộp hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển vào các trường ĐH, CĐ theo lịch tuyển sinh của Bộ. Hồ sơ đăng ký ưu tiên xét tuyển gồm:

a) Hồ sơ đăng ký xét tuyển quy định tại khoản 3 Điều 13 của Quy chế tuyển sinh;

b) Phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển (Phụ lục 2);

c) Giấy chứng nhận đoạt giải Kỳ thi chọn HSG quốc gia; Giấy chứng nhận đoạt giải Cuộc thi Khoa học kỹ thuật quốc gia, quốc tế; Giấy chứng nhận đoạt giải quốc tế về thể dục thể thao, năng khiếu nghệ thuật.

3. Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng

Hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng, theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 7 của Quy chế tuyển sinh, gửi về sở GDĐT trước ngày 25/5/2015. Hồ sơ gồm:

a) Phiếu đăng ký xét tuyển thẳng (Phụ lục 3);

b) Bản sao hợp lệ học bạ 3 năm học trung học phổ thông;

d) Hai phong bì đã dán tem và ghi rõ họ tên, địa chỉ liên lạc, số điện thoại của thí sinh; hai ảnh chân dung cỡ 4 x 6;

đ) Bản sao hợp lệ hộ khẩu thường trú;

Tất cả các đối tượng trên khi trúng tuyển và về trường nhập học, phải nộp các giấy tờ quy định tại khoản 3 Điều 14 của Quy chế tuyển sinh.

4. Lệ phí xét tuyển

Lệ phí tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển thẳng và đăng ký xét tuyển thẳng là 30.000đ/thí sinh/hồ sơ (trong đó nộp cho sở giáo dục và đào tạo 20.000 đồng, nộp cho trường khi đến nhập học 10.000 đồng).

III. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO VÀ CÁC TRƯỜNG

1. Trách nhiệm của các sở GDĐT:

a) Hướng dẫn các trường phổ thông có thí sinh thuộc diện tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng khai phiếu đăng ký tuyển thẳng, phiếu đăng ký ưu tiên xét tuyển và phiếu đăng ký xét tuyển thẳng.

b) Trước ngày 05/8/2015, gửi hồ sơ đăng ký tuyển thẳng; hồ sơ đăng ký xét tuyển thẳng kèm theo danh sách (Phụ lục 6; Phụ lục 7) cho các trường thí sinh đăng ký xét tuyển thẳng.

2. Trách nhiệm của các đại học, học viện, các trường ĐH, CĐ:

a) Căn cứ quy định của Quy chế tuyển sinh và danh mục ngành đào tạo được tuyển thẳng theo quy định tại Phần I của văn bản này, các trường quy định cụ thể ngành thí sinh được tuyển thẳng tương ứng với loại giải và môn thi của thí sinh đoạt giải; quy định cụ thể về ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng; quy trình xét xếp

ngành học tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng của trường, công bố công khai trên trang thông tin điện tử của trường, trang thông tin thi tuyển sinh của Bộ GDĐT và trên các phương tiện thông tin đại chúng trước ngày 05/5/2015.

b) Tổ chức xét tuyển cho những thí sinh thuộc diện ưu tiên xét tuyển đã đăng ký vào trường.

c) Trước ngày 15/8/2015:

- Gửi kết quả tuyển thẳng cho các sở GDĐT để thông báo cho thí sinh;
- Tổ chức xét tuyển những thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng đã nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển vào trường và gửi kết quả xét tuyển thẳng cho các sở GDĐT thông báo cho thí sinh.

d) Báo cáo kết quả tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển và xét tuyển thẳng về Bộ GDĐT (Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục) trước ngày 01/9/2015.

Các sở GDĐT, các đại học, học viện, các trường ĐH, CĐ triển khai thực hiện công văn này. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, liên hệ trực tiếp với Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục để kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Phạm Vũ Luận (để b/c);
- Các Thứ trưởng (để p/h chỉ đạo);
- VP Bộ và các Cục, Vụ, Thanh tra (để thực hiện);
- Lưu: VT, Cục KTKĐCLGD.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Phụ lục 1.

**PHIẾU ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015**

(Kèm theo công văn số: 1988/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 24 tháng 4 năm 2015
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Ảnh
4 x 6**

**PHIẾU ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015**

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)
..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới ☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh:

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Nơi sinh (Ghi xã, phường, huyện, tỉnh, thành phố):

4. Năm hoàn thành chương trình THPT

5. Năm đoạt giải:

6. Môn đoạt giải, loại giải, huy chương

Môn đoạt giải

Loại giải, loại huy chương

7. Trong đội tuyển Olympic khu vực và quốc tế năm 2015 môn:

8. Đăng ký tuyển thẳng vào trường:

9. Đăng ký tuyển thẳng vào học ngành:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm.

10. Địa chỉ báo tin:

.....Điện thoại (nếu có):

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp
12 trườngđã khai
đúng sự thật.

Ngày tháng năm 2015

Hiệu trưởng
(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2015

Chữ ký của thí sinh

Phụ lục 2.

PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015
(Kèm theo công văn số: 1988/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 24 tháng 4 năm 2015
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4 x 6

PHIẾU ĐĂNG KÝ ƯU TIÊN XÉT TUYỂN
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Nơi sinh (Ghi rõ xã, phường, huyện, quận, tỉnh, thành phố).....

4. Môn đoạt giải: **Loại giải, huy chương:**

5. Trường đăng ký dự thi đại học:..... **Ký hiệu**

(Ghi tên trường vào đường kẻ chấm, ghi ký hiệu trường vào ô)

6. Trường đăng ký ưu tiên xét tuyển:

7. Ngành đăng ký ưu tiên xét tuyển:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

8. Địa chỉ báo tin:

..... **Điện thoại (nếu có):**

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12
trường đã khai đúng sự
thật.

Ngày tháng năm 2015

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2015

Chữ ký của thí sinh

Phụ lục 3.

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015
(Kèm theo công văn số: 1988/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 24 tháng 4 năm 2015
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Ảnh
4 x 6

PHIẾU ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG
VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

1. Họ và tên thí sinh (Viết đúng như giấy khai sinh bằng chữ in hoa có dấu)

..... (nữ ghi 1, nam ghi 0)

Giới

☐

2. Ngày, tháng và 2 số cuối của năm sinh

(Nếu ngày và tháng năm sinh nhỏ hơn 10 thì ghi số 0 vào ô đầu)

ngày

tháng

năm

3. Hộ khẩu thường trú (Ghi rõ xã, huyện, tỉnh).....

4. Dân tộc:

5. Nơi học và tốt nghiệp THPT:

- Năm lớp 10:

- Năm lớp 11:

- Năm lớp 12:

6. Trường đăng ký xét tuyển:

7. Ngành đăng ký xét tuyển:

Tôi xin cam đoan những lời khai trên là đúng sự thật. Nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm.

8. Địa chỉ báo tin:

..... **Điện thoại (nếu có):**

Xác nhận thí sinh khai hồ sơ này là học sinh lớp 12
trường đã khai đúng sự
thật.

Ngày tháng năm 2015

Hiệu trưởng

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày tháng năm 2015

Chữ ký của thí sinh

Phụ lục 4.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC
THÍ SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI
(Kèm theo công văn số: 1988/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 24 tháng 4 năm 2015
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số TT	Tên môn thi học sinh giỏi	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Toán	Sư phạm Toán học (*)	52140209
		Toán học (*)	52460101
		Toán ứng dụng (*)	52460112
		Toán cơ (*)	52460115
		Thống kê	52460201
2	Vật lí	Sư phạm Vật lí (*)	52140211
		Vật lí học (*)	52440102
		Thiên văn học	52440101
		Vật lí kỹ thuật (*)	52520401
		Kỹ thuật hạt nhân (*)	52520402
3	Hóa học	Sư phạm Hóa học (*)	52140212
		Hóa học (*)	52440112
		Công nghệ kỹ thuật Hóa học (*)	52510401
		Công nghệ thực phẩm	52540101
		Kỹ thuật Hóa học (*)	52520301
		Dược học	52720401
		Khoa học môi trường	52440301
		Sư phạm Sinh học (*)	52140213
		Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	52140215
		Sinh học (*)	52420101
		Công nghệ sinh học (*)	52420201

4	Sinh học	Kỹ thuật sinh học (*)	52420202
		Sinh học ứng dụng (*)	52420203
		Y đa khoa	52720101
		Y học cổ truyền	52720201
		Răng hàm mặt	52720601
		Y học dự phòng	52720302
		Điều dưỡng	52720501
		Kỹ thuật y học	52720330
		Y tế công cộng	52720301
		Dinh dưỡng	52720303
		Xét nghiệm y học	52720332
		Cử nhân dinh dưỡng	52720303
		Vật lý trị liệu	52720333
		Kỹ thuật phục hình răng	52720602
		Khoa học môi trường	52440301
		Khoa học cây trồng	52620110
		Chăn nuôi	52620105
		Lâm nghiệp	52620201
		Nuôi trồng thủy sản	52620301
5	Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn (*)	52140217
		Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	52220101
		Sáng tác văn học (*)	52220110
		Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam	52220112
		Việt Nam học	52220113
		Văn học (*)	52220330
		Văn hóa học	52220340
		Báo chí (*)	52320101
		Ngôn ngữ học (*)	52220320
		Khoa học thư viện	52320202

6	Lịch sử	Sư phạm Lịch sử (*)	52140218
		Lịch sử (*)	52220310
		Bảo tàng học	52320305
		Nhân học	52310302
		Lưu trữ học	52320303
7	Địa lí	Sư phạm Địa lí (*)	52140219
		Địa lí học (*)	52310501
		Bản đồ học	52310502
		Địa chất học	52440201
		Địa lí tự nhiên (*)	52440217
		Thủy văn	52440224
		Quốc tế học	52220212
		Đông phương học	52220213
		Hải dương học	52440228
8	Tin học	Sư phạm Tin học (*)	52140210
		Khoa học máy tính (*)	52480101
		Truyền thông và mạng máy tính (*)	52480102
		Kỹ thuật phần mềm (*)	52480103
		Hệ thống thông tin (*)	52480104
		Công nghệ thông tin (*)	52480201
		Công nghệ kỹ thuật máy tính (*)	52510304
9	Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh (*)	52140231
		Ngôn ngữ Anh (*)	52220201
		Quốc tế học	52220212
		Đông phương học	52220213
		Ngôn ngữ học	52220320
10	Tiếng Nga	Sư phạm Tiếng Nga (*)	52140232
		Ngôn ngữ Nga (*)	52220202
		Quốc tế học	52220212

		Đông phương học	52220213
		Ngôn ngữ học	52220320
11	Tiếng Trung Quốc	Sư phạm tiếng Trung Quốc (*)	52140234
		Trung Quốc học (*)	52220215
		Ngôn ngữ Trung Quốc (*)	52220204
		Hán nôm	52220104
		Quốc tế học	52220212
		Đông phương học	52220213
		Ngôn ngữ học	52220320
12	Tiếng Pháp	Sư phạm Tiếng Pháp (*)	52140233
		Ngôn ngữ Pháp (*)	52220203
		Quốc tế học	52220212
		Đông phương học	52220213
		Ngôn ngữ học	52220320

Ghi chú: - Những ngành có đánh dấu (*) là ngành đúng;
 - Các ngành còn lại là ngành gần.

Phụ lục 5.**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**

DANH SÁCH NGÀNH ĐÀO TẠO CAO ĐẲNG
HỌC SINH ĐĂNG KÝ HỌC THEO MÔN ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI
(Kèm theo công văn số: 1988/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 24 tháng 4 năm 2015
của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

Số TT	Tên môn thi học sinh giỏi	Tên ngành đào tạo	Mã ngành
1	Toán	Sư phạm Toán học (*)	51140209
		Thống kê	51460201
2	Vật lí	Sư phạm Vật lí (*)	51140211
		Vật lí kỹ thuật (*)	52520401
3	Hóa học	Sư phạm Hóa học (*)	51140212
		Công nghệ kỹ thuật Hóa học (*)	51510401
		Công nghệ thực phẩm	51540102
		Dược học	51900107
		Công nghệ dược	51900108
4	Sinh học	Sư phạm Sinh học (*)	51140213
		Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp	51140215
		Công nghệ sinh học (*)	51420201
		Kỹ thuật sinh học (*)	51420202
		Sinh học ứng dụng (*)	51420203
		Điều dưỡng	51720501
		Kỹ thuật y học	51720330
		Hộ sinh	51720502
		Xét nghiệm y học	51720332
		Vật lí trị liệu	51720333
		Khoa học cây trồng	51620110
		Chăn nuôi	51620105

5	Ngữ văn	Sư phạm Ngữ văn (*)	51140217
		Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam	51220101
		Báo chí (*)	51320101
6	Lịch sử	Sư phạm Lịch sử (*)	51140218
		Bảo tàng học	51320305
7	Địa lí	Sư phạm Địa lí (*)	51140219
8	Tin học	Sư phạm Tin học (*)	51140210
		Khoa học máy tính (*)	51480101
		Truyền thông và mạng máy tính (*)	51480102
		Hệ thống thông tin (*)	51480104
		Công nghệ thông tin (*)	51480201
		Tin học ứng dụng (*)	51480202
		Công nghệ kỹ thuật máy tính (*)	51510304
9	Tiếng Anh	Sư phạm Tiếng Anh (*)	51140231
		Tiếng Anh (*)	51220201
11	Tiếng Trung Quốc	Tiếng Trung Quốc (*)	51220204
12	Tiếng Pháp	Tiếng Pháp (*)	51220203

Ghi chú: - Những ngành có đánh dấu (*) là ngành đúng;
 - Các ngành còn lại là ngành gần.

Phụ lục 6.

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐOẠT GIẢI QUỐC GIA, QUỐC TẾ ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015
(Kèm theo công văn số: 1988/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2015

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ KỲ THI CHỌN ĐỘI TUYỂN QUỐC GIA DỰ THI OLYMPIC QUỐC TẾ NĂM 2015
VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI HỌC SINH GIỎI QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Số TT	HỌ VÀ TÊN	Nữ	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	ĐĂNG KÝ TUYỂN THẮNG		Năm đoạt giải	Môn đoạt giải	Loại giải, huy chương	Tham dự ki thi chọn đội tuyển quốc gia dự thi Olympic Quốc tế môn	GHI CHÚ
					Ký hiệu trường	Tên ngành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
01	Nguyễn Văn A	X	15/12/19..	2014	BKA			Toán học	HC vàng	Toán	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục 7.

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

(Kèm theo công văn số: 1988/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2015

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Số TT	HỌ VÀ TÊN	Nữ	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú	TRƯỜNG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN		Học lực			Năm tốt nghiệp THPT
					Ký hiệu trường	Tên ngành	Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)
01	Trần Thị T.	X	15/12/19..		XDA					

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)

Ghi chú:

- Danh sách này gửi về trường thí sinh đăng ký xét tuyển.
- Danh sách này lập đối với thí sinh có hộ khẩu thường trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a của Chính phủ và 20 huyện nghèo biên giới, hải đảo thuộc khu vực Tây Nam bộ.

Phụ lục 8.

MẪU DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ NĂM 2015 VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015
(Kèm theo công văn số: 1988/BGDĐT-KTKĐCLGD ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Bộ Giáo dục và Đào tạo)

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH:.....
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 2015

Kính gửi: Trường.....

DANH SÁCH THÍ SINH THAM DỰ CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT QUỐC TẾ VÀ THÍ SINH ĐOẠT GIẢI CUỘC THI KHOA HỌC KỸ THUẬT CẤP QUỐC GIA ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG VÀO ĐẠI HỌC, CAO ĐẲNG NĂM 2015

Số TT	HỌ VÀ TÊN	Nữ	Ngày sinh	Năm tốt nghiệp THPT	ĐĂNG KÝ TUYỂN THĂNG		Năm đoạt giải	Lĩnh vực đoạt giải	Loại giải, huy chương	Tham dự cuộc thi khoa học kỹ thuật Quốc tế lĩnh vực	GHI CHÚ
					Ký hiệu trường	Tên ngành					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
01	Nguyễn Văn X.	X	15/12/19..	2015	BKA			Khoa học môi trường	HC vàng	Toán	

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
(Ký tên, đóng dấu)